

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĨNH HOÀN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 40
8. Phụ lục	41

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400112623 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 02 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Thay đổi lần 02 ngày 04 tháng 6 năm 2010 và lần 03 ngày 01 tháng 11 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.
- Thay đổi lần 04 ngày 27 tháng 12 năm 2010 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 471.512.730.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại (84 - 67) 3891 166
Fax (84 - 67) 3891 672
E-mail vh@vinhhoan.com.vn
Mã số thuế 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn là:

- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản;
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại;
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản;
- Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Mua bán, xuất nhập khẩu gạo;
- Nhập khẩu, mua bán phân bón;
- Mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần thực ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	69,8%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 do Bang California, Hoa Kỳ cấp.	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	98,6%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Tập đoàn đều tăng so với năm trước do giá bán và sản lượng bán tăng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2011 và tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2011 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 05 tháng 9 năm 2011 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng	10.701.748.000 VND
- Trích quỹ phúc lợi	4.280.699.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	4.000.000.000 VND
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011	68.928.784.500 VND
Cộng	87.911.231.500 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	25 tháng 4 năm 2011
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	25 tháng 4 năm 2011
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho các Công ty trong Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng các Công ty trong Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


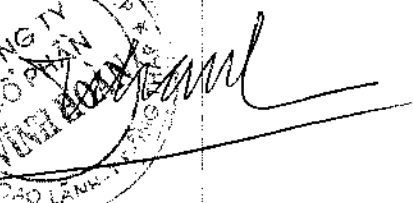
1020
CÔNG
CH NHIỆM
KIỂM TOÁN
TƯ VẤN
TP. HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 4 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0461/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các công ty con (danh sách các Công ty con được trình bày tại thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.758.324.324.568	1.180.827.088.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	329.424.956.877	126.419.394.330
1. Tiền	111		312.924.956.877	103.419.394.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.500.000.000	23.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		219.548.828	37.562.972.164
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	219.548.828	37.562.972.164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		563.618.091.194	345.314.077.746
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	485.307.767.483	333.366.537.831
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	74.542.924.504	12.922.329.731
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6.321.388.552	3.056.076.828
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2.553.989.345)	(4.030.866.644)
IV. Hàng tồn kho	140		823.256.429.259	642.317.455.278
1. Hàng tồn kho	141	V.7	868.752.372.217	657.405.301.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(45.495.942.958)	(15.087.845.732)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.805.298.410	29.213.189.033
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.211.599.259	821.149.166
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.668.355.903	15.975.180.965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	608.007.853	537.381.441
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	27.317.335.395	11.879.477.461

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		649.295.263.719	641.259.325.478
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		565.799.074.719	588.797.962.752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	488.277.285.379	527.681.392.368
<i>Nguyên giá</i>	222		764.893.969.470	722.995.848.063
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(276.616.684.091)	(195.314.455.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	62.944.217.450	48.226.156.602
<i>Nguyên giá</i>	228		64.917.368.601	49.692.887.301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.973.151.151)	(1.466.730.699)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	14.577.571.890	12.890.413.782
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		83.496.189.000	52.461.362.726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	55.010.935.960	27.180.901.134
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	5.908.168.386	8.848.344.103
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	22.577.084.654	16.432.117.489
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.407.619.588.287	1.822.086.414.029

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.100.805.436.737	836.972.067.754
I. Nợ ngắn hạn		310		1.039.047.348.989	746.457.409.480
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	633.578.126.990	352.351.393.210
2.	Phải trả người bán	312	V.20	129.537.953.983	99.195.986.814
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.21	6.850.285.852	577.547.162
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	33.507.008.178	33.391.496.069
5.	Phải trả người lao động	315	V.23	38.523.008.346	30.177.526.068
6.	Chi phí phải trả	316	V.24	16.224.971.652	7.933.634.694
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	116.642.164.422	168.538.948.671
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	34.000.000.000	34.550.000.000
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	30.183.829.566	19.740.876.792
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		61.758.087.748	90.514.658.274
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.28	58.942.312.000	88.869.872.693
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	2.815.775.748	1.644.785.581
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.243.040.928.148	936.000.963.008
I. Vốn chủ sở hữu		410		1.243.040.928.148	936.000.963.008
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	471.512.730.000	471.512.730.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	190.492.000.000	191.808.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(36.897.215.355)	(32.725.310.618)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	3.991.224.376	1.799.344.642
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.30	-	136.774.604
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	613.942.189.127	303.469.424.380
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		439	V.31	63.773.223.402	49.113.383.267
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		2.407.619.588.287	1.822.086.414.029

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		15.136.082,68	5.656.325,53
Euro (EUR)		307,06	438,09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.114.059.871.210	3.021.654.856.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10.082.120.795	12.479.934.277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	4.103.977.750.415	3.009.174.922.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.379.843.860.523	2.421.857.449.478
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		724.133.889.892	587.317.472.781
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	100.706.640.272	67.838.069.858
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	112.362.907.329	88.143.238.643
Trong đó: chi phí lãi vay	23		70.432.324.955	44.772.283.092
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	176.671.765.955	210.928.260.566
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	55.803.209.398	86.913.426.339
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		480.002.647.482	269.170.617.091
11. Thu nhập khác	31	VI.7	15.690.621.480	4.435.838.681
12. Chi phí khác	32	VI.8	15.599.006.406	725.465.889
13. Lợi nhuận khác	40		91.615.074	3.710.372.792
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		480.094.262.556	272.880.989.883
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	64.179.718.736	50.540.560.566
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	2.940.175.717	(6.235.120.500)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>412.974.368.103</u>	<u>228.575.549.817</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		18.631.417.568	14.540.577.687
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		394.342.950.535	214.034.972.130
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>8.389</u>	<u>4.573</u>



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		480.094.262.556	272.880.989.883
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	83.403.731.998	73.685.227.992
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	28.931.219.927	(1.703.155.040)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	5.503.447.698	8.982.681.278
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(19.436.697.147)	(10.621.338.599)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	70.432.324.955	44.772.283.092
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		648.928.289.987	387.996.688.606
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(221.919.329.809)	(42.762.670.800)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(196.708.620.121)	(302.343.541.741)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25.788.277.884	163.424.043.657
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(27.689.476.737)	(7.432.997.671)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(69.562.038.493)	(45.219.335.672)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(60.328.667.862)	(34.972.830.296)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.259.150.260	157.646.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(21.232.705.467)	(8.603.706.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.534.879.642	110.243.295.366
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14, VII	(121.397.054.282)	(109.751.050.341)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	13.383.013.868	160.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.127.931.302)	(34.697.256.415)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		74.484.730.350	12.434.284.251
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	19.584.085.491	8.975.526.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.073.155.875)	(122.868.041.734)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	126.960.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.30	(5.487.904.737)	(32.725.310.618)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	2.362.514.113.407	1.193.093.765.419
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(2.110.674.323.676)	(1.359.196.261.558)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(68.915.736.000)	(25.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		177.436.148.994	(71.893.656.757)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		204.897.872.761	(84.518.403.125)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	126.419.394.330	209.967.674.177
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.892.310.214)	970.123.278
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	329.424.956.877	126.419.394.330

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con :** 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,8%	69,8%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Áp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp	98,6%	98,6%

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Tập đoàn đều tăng so với năm trước do giá bán và sản lượng bán tăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.262.458.395	4.991.498.222
Tiền gửi ngân hàng	304.562.498.482	87.041.765.338
Tiền đang chuyển	6.100.000.000	11.386.130.770
Các khoản tương đương tiền (*)	16.500.000.000	23.000.000.000
Cộng	<u>329.424.956.877</u>	<u>126.419.394.330</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, số tiền 16.500.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	219.548.828	32.197.256.415
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	-	5.365.715.749
Cộng	<u>219.548.828</u>	<u>37.562.972.164</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	199.968.042.605	149.395.587.811
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	13.167.335.726	36.854.446.317
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	272.172.389.152	147.116.503.703
Cộng	<u>485.307.767.483</u>	<u>333.366.537.831</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	60.475.846.820	12.808.234.185
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.257.799.138	114.095.546
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	11.809.278.546	-
Cộng	<u>74.542.924.504</u>	<u>12.922.329.731</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	2.066.879.098
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	4.823.682.529	-
Các khoản phải thu khác	1.497.706.024	989.197.730
Cộng	<u>6.321.388.553</u>	<u>3.056.076.828</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	4.030.866.644
Hoàn nhập trong năm	(1.476.877.299)
Số cuối năm	<u>2.553.989.345</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	19.450.224.909	192.983.833.928
Nguyên liệu, vật liệu	126.938.625.860	158.607.701.186
Công cụ, dụng cụ	3.107.842.478	2.591.995.474
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	321.343.498.323	207.797.886.346
Thành phẩm	353.505.848.292	83.491.197.528
Hàng hóa	63.204.912	486.130.764
Hàng gửi đi bán	44.343.127.444	11.446.555.784
Cộng	<u>868.752.372.217</u>	<u>657.405.301.010</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	337.367.454
Công cụ, dụng cụ	-	22.003.532
Thành phẩm	45.495.942.958	14.728.474.746
Cộng	<u>45.495.942.958</u>	<u>15.087.845.732</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	15.087.845.732
Trích lập dự phòng bổ sung	30.408.097.226
Số cuối năm	<u>45.495.942.958</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	1.025.330.134	821.149.166
Chi phí sửa chữa	186.269.125	-
Cộng	<u>1.211.599.259</u>	<u>821.149.166</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	5.684.687
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	608.007.853	531.696.754
Cộng	<u>608.007.853</u>	<u>537.381.441</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	25.174.915.795	11.190.533.994
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.142.419.600	688.943.467
Cộng	<u>27.317.335.395</u>	<u>11.879.477.461</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	281.924.894.926	422.398.368.510	16.285.634.584	2.386.950.043	722.995.848.063
Tăng trong năm	9.412.355.685	40.123.225.373	4.198.086.087	154.870.318	53.888.537.463
Mua sắm mới	2.242.212.500	24.362.148.946	4.198.086.087	64.220.000	30.866.667.533
Đầu tư xây dựng hoàn thành	4.511.848.725	15.761.076.427	-	18.592.042	20.291.517.194
Tăng khác	2.658.294.460	-	-	72.058.276	2.730.352.736
Thanh lý, nhượng bán	(11.701.105.131)	(289.310.925)	-	-	(11.990.416.056)
Số cuối năm	279.636.145.480	462.232.282.958	20.483.720.671	2.541.820.361	764.893.969.470
<i>Trong đó:</i>					
Khấu hao hết nhưng còn sử dụng	3.101.877.767	49.103.277.342	1.833.058.745	500.772.980	54.538.986.834
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	37.430.970.248	150.953.454.892	5.847.268.087	1.082.762.468	195.314.455.695
Tăng trong năm	19.701.080.183	59.950.639.599	2.901.583.272	527.718.284	83.081.021.338
Khấu hao trong năm	19.534.936.831	59.950.639.599	2.901.583.272	510.151.844	82.897.311.546
Tăng khác	166.143.352	-	-	17.566.440	183.709.792
Thanh lý, nhượng bán	(1.503.213.188)	(275.579.754)	-	-	(1.778.792.942)
Số cuối năm	55.628.837.243	210.628.514.737	8.748.851.359	1.610.480.752	276.616.684.091
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	244.493.924.678	271.444.913.618	10.438.366.497	1.304.187.575	527.681.392.368
Số cuối năm	224.007.308.237	251.603.768.221	11.734.869.312	931.339.609	488.277.285.379
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 464.535.733.094VND và 284.715.120.479VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	48.943.591.501	749.295.800	49.692.887.301
Mua trong năm	16.476.381.300	-	16.476.381.300
Thanh lý, nhượng bán	(1.251.900.000)	-	(1.251.900.000)
Số cuối năm	64.168.072.801	749.295.800	64.917.368.601
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	412.078.460	412.078.460

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	994.510.321	472.220.378	1.466.730.699
Khấu hao trong năm	381.861.408	124.559.044	506.420.452
Số cuối năm	1.376.371.729	596.779.422	1.973.151.151
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	47.949.081.180	277.075.422	48.226.156.602
Số cuối năm	62.791.701.072	152.516.378	62.944.217.450

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 22.568.847.901 VND và 21.192.476.172 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua tài sản cố định	5.610.388.946	6.015.863.241	(11.448.322.499)	-	177.929.688
Xây dựng cơ bản dở dang	6.547.843.680	19.345.958.700	(8.912.419.695)	(2.581.740.483)	14.399.642.202
Chi phí ao nuôi cá	3.453.548.173	10.309.397.024	(6.500.769.500)	(2.050.732.301)	5.211.443.396
Công trình Nhà xưởng Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 2		6.839.513.839			6.839.513.839
Các công trình khác	3.094.295.507	2.197.047.837	(2.411.650.195)	(531.008.182)	2.348.684.967
Chi phí sửa chữa	732.181.156	2.890.047.102	-	(3.622.228.258)	-
Cộng	12.890.413.782	28.251.869.043	(20.360.742.194)	(6.203.968.741)	14.577.571.890

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	100.000.000.000 VND	69,8%	69,8%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	50.000.000.000 VND	98,6%	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 52.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 52.003.709.506 VND, tương đương 69,8% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 49.300.000.000 VND, tương đương 98,6% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 25.500.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 23.800.000.000 VND.

Ngoài ra, trong năm 2011 Công ty quyết định thành lập các Công ty con: Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5. Việc góp vốn vào các Công ty trên sẽ được thực hiện trong năm 2012.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	13.389.380.876	36.396.541.440	(6.699.170.986)	43.086.751.330
Tiền thuê đất	13.791.520.258	313.320.520	(2.180.656.148)	11.924.184.630
Cộng	27.180.901.134	36.709.861.960	(8.879.827.134)	55.010.935.960

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau

Số đầu năm	8.848.344.103
Phát sinh trong năm	5.908.168.386
Hoàn nhập trong năm	(8.848.344.103)
Số cuối năm	5.908.168.386

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	627.278.126.990	346.351.393.210
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(a)	19.616.660.608	29.400.329.580
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	413.791.466.382	118.151.063.630
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(c)	177.370.000.000	198.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	16.500.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số V.28)	6.300.000.000	6.000.000.000
Cộng	633.578.126.990	352.351.393.210

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên vật liệu trong kho của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 với trị giá 80 tỷ đồng và bảo lãnh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 40 tỷ đồng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, chiết khấu bộ chứng từ, bao thanh toán có truy đòi đối với các khoản phải thu, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 1 và 2). Khoản vay của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 được bảo lãnh bởi Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 200 tỷ đồng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 3) và hàng tồn kho.
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	352.351.393.210
Số tiền vay phát sinh	2.362.514.113.407
Số kết chuyển	6.300.000.000
Giảm do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	(540.616.644)
Số tiền vay đã trả	<u>(2.087.046.762.983)</u>
Số cuối năm	<u>633.578.126.990</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	102.462.910.783	60.502.117.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	25.533.766.826	38.443.228.295
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.541.276.374	250.640.750
Cộng	<u>129.537.953.983</u>	<u>99.195.986.814</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	6.157.619.827	577.547.162
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	692.666.025	-
Cộng	<u>6.850.285.852</u>	<u>577.547.162</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	5.055.235.454	(5.055.235.454)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(5.684.687)	28.771.335.110	(28.765.216.715)	433.708
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(531.696.754)	6.875.267.905	(6.951.579.004)	(608.007.853)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.105.222.039	58.896.603.096	(60.328.667.862)	31.673.157.273
Thuế thu nhập cá nhân	286.274.030	3.304.739.982	(1.757.596.815)	1.833.417.197
Thuế nhà đất	-	442.068.489	(442.068.489)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	32.854.114.628	103.351.250.036	(103.306.364.339)	32.899.000.325

- (*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Thủy sản xuất khẩu 0%
- Thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến 5%
- Thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	870.286.462	-
Chi phí phải trả cho luật sư	-	4.545.261.990
Chi phí vận chuyển	13.436.945.692	47.710.000
Chi phí khác	1.917.739.498	3.340.662.704
Cộng	<u>16.224.971.652</u>	<u>7.933.634.694</u>

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.598.818.514	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.106.300.846	554.638.042
Cổ tức phải trả	58.448.500	45.400.000
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.134.179.135	-
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	108.101.129.232	-
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - thu hộ tiền hàng	712.250.000	-
Các khoản phải trả khác	1.931.038.195	166.245.071.547
Cộng	<u>116.642.164.422</u>	<u>168.538.948.671</u>

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR 8.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	19.740.876.792
Trích quỹ trong năm	20.761.916.810
Tăng khác	1.455.102.414
Chi quỹ trong năm	(11.774.066.450)
Số cuối năm	<u>30.183.829.566</u>

28. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	23.627.560.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(a)	58.942.312.000	65.242.312.000
Cộng	<u>58.942.312.000</u>	<u>88.869.872.693</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất 17,3%/năm để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	6.300.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	58.942.312.000
Tổng nợ	65.242.312.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	88.869.872.693
Số đã trả trong năm	(23.627.560.693)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(6.300.000.000)
Số cuối năm	58.942.312.000

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.644.785.581
Số trích lập bổ sung	1.357.469.167
Số đã chi	(186.479.000)
Số cuối năm	2.815.775.748

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 41.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	-
Tạm ứng cổ tức (15% mệnh giá)	68.915.736.000
Cộng	68.915.736.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.052.920
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750	1.052.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523	46.098.353
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	49.113.383.267
Lợi nhuận trong năm	15.224.002.265
Trừ lợi nhuận đã chia	(3.375.000.000)
Trừ lợi nhuận chưa thực hiện năm nay	(2.999.851.073)
Cộng lợi nhuận chưa thực hiện năm trước	6.407.266.376
Giảm do điều chỉnh quỹ khác	(59.177.550)
Giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(537.399.883)
Số cuối năm	63.773.223.402

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	4.114.059.871.210	3.021.654.856.536
- Doanh thu bán hàng hóa	150.647.105.711	384.268.817.325
- Doanh thu bán thành phẩm	3.200.551.732.280	2.278.324.239.904
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.696.566.522	28.094.162.374
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	261.885.273.833	24.855.854.162
- Doanh thu phế phẩm	454.279.192.864	306.111.782.771
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(10.082.120.795)	(12.479.934.277)
- Giảm giá hàng bán	(194.985.077)	(632.572.009)
- Hàng bán bị trả lại	(9.887.135.718)	(11.847.362.268)
Doanh thu thuần	4.103.977.750.415	3.009.174.922.259
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	149.647.737.606	381.415.752.278
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.191.468.979.590	2.268.697.370.674
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	46.696.566.522	28.094.162.374
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	261.885.273.833	24.855.854.162
- Doanh thu thuần phế phẩm	454.279.192.864	306.111.782.771

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa	88.907.863.261	334.276.333.337
Giá vốn của thành phẩm	2.668.180.140.999	1.820.788.662.319
Giá vốn của nguyên vật liệu	250.471.612.615	23.492.808.079
Giá vốn của phế phẩm	341.876.146.421	249.033.667.427
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	30.408.097.226	(5.734.021.684)
Cộng	3.379.843.860.523	2.421.857.449.478

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.775.777.911	8.965.265.242
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	734.496.609	718.119.508
Lãi cho vay	1.295.663.299	1.745.165.082
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.711.747.271	2.894.152.247
Lãi bán hàng trả chậm	6.445.765.183	7.331.795.056
Lãi trái phiếu	-	4.275.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	149.216.049	1.424.859.241
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	79.593.973.950	44.754.438.482
Cộng	<u>100.706.640.272</u>	<u>67.838.069.858</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	70.432.324.955	44.772.283.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.652.663.747	10.407.540.519
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.277.918.627	32.963.415.032
Cộng	<u>112.362.907.329</u>	<u>88.143.238.643</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	4.631.178.736	4.387.496.983
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	491.208.550	50.720.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	95.922.422	80.631.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.915.731.779	141.251.032.393
Chi phí khác	71.537.724.468	65.158.378.491
Cộng	<u>176.671.765.955</u>	<u>210.928.260.566</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	24.433.865.276	17.198.579.488
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.177.747.316	916.489.754
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.487.760.721	3.468.337.070
Thuế, phí và lệ phí	1.275.951.197	1.334.223.179
Chi phí dự phòng	(1.865.509.133)	4.030.866.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.490.565.599	3.199.519.022
Chi phí khác	17.802.828.423	56.765.411.183
Cộng	<u>55.803.209.398</u>	<u>86.913.426.339</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.383.013.868	160.454.545
Thu nhập khác	2.307.924.197	4.275.384.136
Cộng	<u>15.690.938.065</u>	<u>4.435.838.681</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	11.463.523.114	253.821.270
Chi phí khác	4.135.483.292	471.644.619
Cộng	<u>15.599.006.406</u>	<u>725.465.889</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.679.817.377.557	1.957.599.487.941
Chi phí nhân công	245.171.303.310	171.067.446.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.652.432.785	76.326.472.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	420.409.826.305	353.199.929.333
Chi phí khác	152.757.184.205	179.429.355.111
Cộng	<u>3.577.808.124.162</u>	<u>2.737.622.691.781</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	394.342.950.535	214.034.972.130
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	394.342.950.535	214.034.972.130
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	47.008.246	46.802.593
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.389</u>	<u>4.573</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	47.151.273	32.568.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	-	11.823.273
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	2.468.330
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(143.027)	(57.010)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>47.008.246</u>	<u>46.802.593</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	5.556.016.428	1.265.153.137
Ứng trước mua tài sản cố định	57.904.666.107	7.742.441.410

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Mua nguyên vật liệu	27.282.976.720	17.269.270.350
Bán hàng hóa	134.500.518	391.457.455
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	23.998.026.080	19.770.975.350
Bán hàng hóa	395.769.521	597.656.409

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	19.663.800.251	5.619.908.453
Các cá nhân có liên quan	1.478.594.520	93.385.000
Cộng nợ phải thu	21.142.394.771	5.713.293.453

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.494.797.974 VND (năm trước là 3.328.852.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Mua hàng hóa, dịch vụ	24.076.706.994	260.639.683.819
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu ⁽¹⁾	62.564.304.481	151.551.634.391
Bán hàng hóa, dịch vụ	813.283.780	3.704.348.584
Bán thành phẩm	5.505.499.385	143.212.396.613
Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	4.000.292.627	13.425.203.991
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu	17.880.756.127	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Bán thành phẩm	273.935.407.400	108.701.115.080
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa	6.740.279.632	1.365.559.278
Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	42.088.374.769	14.537.926.442
Mua nguyên vật liệu	53.211.608.968	7.281.395.152
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu ⁽¹⁾	579.235.689.198	156.686.284.266
Cho vay	31.057.500.000	-
Lãi cho vay	409.528.560	-

⁽¹⁾ Giá trị hàng nhận xuất khẩu ủy thác cho các Công ty có liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu	4.823.682.529	1.079.294.941
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	163.276.785	18.405.206.907
Cộng nợ phải thu	4.986.959.314	19.484.501.848
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.134.179.135	65.161.572.388
Phải trả tiền hàng	2.692.462.513	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	108.101.129.232	99.820.646.049
Ứng trước tiền hàng	691.236.000	-
Phải trả tiền thu hộ	712.250.000	-
Cộng nợ phải trả	114.331.256.880	164.982.218.437

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các Công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất khẩu	3.002.328.336.781	2.308.816.677.868
Trong nước	1.101.661.596.535	700.358.244.391
Cộng	4.103.989.933.316	3.009.174.922.259

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay chỉ nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy sản.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đã thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	317.574.030	302.648.718
Trên 01 năm đến 05 năm	942.380.088	1.061.562.168
Trên 05 năm	1.454.819.357	1.608.435.371
Cộng	2.714.773.475	2.972.646.257

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	329.424.956.877	126.419.394.330	329.424.956.877	126.419.394.330
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	219.548.828	32.197.256.415	219.548.828	32.197.256.415
Phải thu khách hàng	482.753.778.138	329.335.671.187	482.753.778.138	329.335.671.187
Các khoản cho vay	-	5.365.715.749	-	5.365.715.749
Các khoản phải thu khác	56.215.808.601	31.367.671.778	56.215.808.601	31.367.671.778
Cộng	868.614.092.444	524.685.709.459	868.614.092.444	524.685.709.459
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	692.520.438.990	441.221.265.903	692.520.438.990	441.221.265.903
Phải trả cho người bán	129.537.953.983	99.195.986.814	129.537.953.983	99.195.986.814
Phải trả người lao động	38.523.008.346	30.177.526.068	38.523.008.346	30.177.526.068
Chi phí phải trả	16.224.971.652	7.933.634.694	16.224.971.652	7.933.634.694
Các khoản phải trả khác	153.457.940.170	204.733.734.252	153.457.940.170	204.733.734.252
Cộng	1.030.264.313.141	783.262.147.731	1.030.264.313.141	783.262.147.731

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Các Công ty trong Tập đoàn đã thế chấp tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh V.10) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh V.11) để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp cho các Ngân hàng như sau:

Tài sản thế chấp	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	16.500.000.000	32.000.000.000
Phải thu khách hàng	-	40.000.000.000
Hàng tồn kho	257.370.000.000	147.195.031.320
Nhà cửa, vật kiến trúc	135.572.873.701	85.587.020.683
Máy móc, thiết bị	147.050.037.843	89.890.768.939
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.092.208.935	2.921.256.571
Quyền sử dụng đất	21.192.476.172	13.151.976.773
Cộng	579.777.596.651	410.746.054.286

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Các khoản nợ phải trả của Tập đoàn thường là ngắn hạn và rất ít nên rủi ro thanh khoản rất thấp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	633.578.126.990	58.942.312.000	-	692.520.438.990
Phải trả người bán	129.537.953.983	-	-	129.537.953.983
Phải trả người lao động	38.523.008.346	-	-	38.523.008.346
Chi phí phải trả	16.224.971.652	-	-	16.224.971.652
Các khoản phải trả khác	150.642.164.422	2.815.775.748	-	153.457.940.170
Cộng	968.506.225.393	61.758.087.748	-	1.030.264.313.141
Số đầu năm				
Vay và nợ	352.351.393.210	88.869.872.693	-	441.221.265.903
Phải trả người bán	99.195.986.814	-	-	99.195.986.814
Phải trả người lao động	30.177.526.068	-	-	30.177.526.068
Chi phí phải trả	7.933.634.694	-	-	7.933.634.694
Các khoản phải trả khác	203.088.948.671	1.644.785.581	-	204.733.734.252
Cộng	692.747.489.457	90.514.658.274	-	783.262.147.731

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn đánh giá không có rủi ro ngoại tệ đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

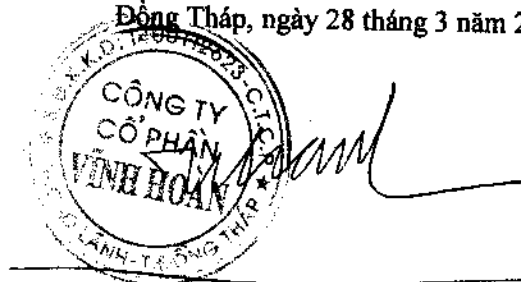
Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm nay	325.680.000.000	92.448.000.000	-	861.407.971	136.774.604	223.193.216.695	Cộng 642.319.399.270
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên	9.422.100.000	-	-	-	-	(9.422.100.000)	-
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	108.810.630.000	-	-	-	-	(108.810.630.000)	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27.600.000.000	99.360.000.000	-	-	-	-	126.960.000.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(32.725.310.618)	-	-	-	(32.725.310.618)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	214.034.972.130	214.034.972.130
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	937.936.671	-	-	937.936.671
Số dư cuối năm trước	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	1.799.344.642	136.774.604	303.469.424.380	936.000.963.008
Số dư đầu năm nay	471.512.730.000	191.808.000.000	(32.725.310.618)	1.799.344.642	136.774.604	303.469.424.380	936.000.963.008
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1.316.000.000)	-	-	-	-	(1.316.000.000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4.171.904.737)	-	-	-	(4.171.904.737)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	394.342.950.535	394.342.950.535
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(20.224.516.927)	(20.224.516.927)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-	-	-	-	5.283.115.639	5.283.115.639
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(68.928.784.500)	(68.928.784.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	2.191.879.734	-	-	2.191.879.734
Giảm khác	-	-	-	-	(136.774.604)	-	(136.774.604)
Số dư cuối năm nay	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	3.991.224.376	(136.774.604)	613.942.189.127	1.243.040.928.148

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc